

**NGHIÊN CỨU TÍNH AN TOÀN VÀ PHÙ HỢP TRONG SỬ DỤNG THUỐC
ỨC CHẾ BƠM PROTON Ở BỆNH NHÂN NGOẠI TRÚ
ĐIỀU TRỊ DỊCH VỤ TẠI KHOA KHÁM BỆNH,
BỆNH VIỆN TRƯỜNG ĐẠI HỌC Y DƯỢC CẦN THƠ NĂM 2022- 2023**

*Nguyễn Hữu Trúc, Nguyễn Thanh Liêm, Nguyễn Thị Thu Hiền, Đặng Duy Khánh**

Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ

**Email: ddkhanh@ctump.edu.vn*

Ngày nhận bài: 31/5/2023

Ngày phản biện: 14/7/2023

Ngày duyệt đăng: 31/7/2023

TÓM TẮT

Đặt vấn đề: Nhằm tối ưu hóa hiệu quả điều trị, xác định thực trạng và đánh giá tính an toàn và phù hợp sử dụng thuốc ức chế bơm proton là cần thiết. **Mục tiêu nghiên cứu:** Mô tả đặc điểm và đánh giá sự an toàn, phù hợp sử dụng các thuốc nhóm PPI ở bệnh nhân ngoại trú dịch vụ tại Khoa Khám bệnh, Bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023. **Đối tượng và phương pháp nghiên cứu:** 520 đơn thuốc ngoại trú dịch vụ tại khoa khám bệnh, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được kê đơn thuốc PPI từ tháng 09/2022-04/2023. Đánh giá tính phù hợp căn cứ theo tờ hướng dẫn sử dụng nhà sản xuất, phác đồ điều trị Bộ y tế; xác định tính an toàn dựa vào kết quả tra cứu tương tác thuốc từ 02 công cụ Drugs.com và Medscape.com **Kết quả:** Tỷ lệ cao nhất nhóm tuổi được kê đơn thuốc PPI là độ tuổi lao động 18-59 tuổi (63,85%), trong khi nhóm <18 tuổi có tỷ lệ thấp nhất (3,85%). Tỷ lệ nữ cao hơn nam (59,23% và 40,77% tương ứng). Thời gian điều trị thuốc PPI cao nhất là ≥ 14 ngày 78,65%. Esomeprazole là loại thuốc PPI được sử dụng nhiều nhất (46,92%), tiếp theo là Pantoprazole (22,31%), và Lansoprazole có tỷ lệ thấp nhất (0,39%). Tỷ lệ đơn thuốc có tương tác là 15,96%, đơn thuốc PPI không phù hợp là 8,56%, không an toàn là 15,19%, không phù hợp và không an toàn là 20,77%. **Kết luận:** Tỷ lệ sử dụng thuốc PPI không phù hợp và không an toàn khá cao. Điều này có thể ảnh hưởng đến hiệu quả và chi phí điều trị. Truyền thông và thông tin thuốc cần được tăng cường để đảm bảo hiệu quả điều trị, sử dụng thuốc an toàn và tiết kiệm cho bệnh nhân. **Từ khóa:** Thuốc ức chế bơm proton (PPI), ngoại trú, trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

Từ khóa: Thuốc ức chế bơm proton (PPI), ngoại trú, trường Đại học Y Dược Cần Thơ.

ABSTRACT

**STUDY ON THE SAFETY AND APPROPRIATENESS OF PROTON PUMP
INHIBITOR UTILIZATION IN OUTPATIENT PATIENTS RECEIVING
MEDICAL SERVICES AT THE DEPARTMENT OF OUTPATIENT
EXAMINATION, CAN THO UNIVERSITY OF MEDICINE AND
PHARMACY HOSPITAL IN 2022 - 2023**

*Nguyen Huu Truc, Nguyen Thanh Liem, Nguyen Thi Thu Hien, Dang Duy Khanh**

Can Tho University of Medicine and Pharmacy

Background: In order to optimize treatment effectiveness, it is necessary to determine the current situation and assess the safety and appropriateness of proton pump inhibitors medication utilization. **Objectives:** To describe the characteristics and evaluate the safety and appropriateness of PPI medication use in outpatients at the Department of Clinical Examination, Can Tho University of Medicine and Pharmacy in 2022-2023. **Materials and methods:** 520 outpatient prescriptions for PPI medication at the Department of Clinical Examination, Can Tho University of Medicine and Pharmacy

from September 2022 to April 2023. Assessing the appropriateness is based on the manufacturer's instructions and treatment protocols provided by the Ministry of Health. The determination of safety is established through the examination of drug interactions using two resources, Drugs.com and Medscape.com. **Results:** The highest proportion of PPI prescriptions was observed in the working age group of 18-59 years (63.85%), while the <18 age group had the lowest proportion (3.85%). Females had a higher prescription rate compared to males (59.23% and 40.77% respectively). The longest duration of both prescription and treatment with PPIs was ≥ 14 days was 78.65%. Esomeprazole was the most frequently prescribed PPI (46.92%), followed by Pantoprazole (22.31%), and Lansoprazole had the lowest proportion (0.39%). The proportion of prescriptions with drug interactions was 15.96%, inappropriate PPI prescriptions accounted for 8.56%, unsafe prescriptions were 15.19%, and the combination of inappropriate and unsafe prescriptions reached 20.77%. **Conclusion:** The rate of inappropriate and unsafe use of PPI medications is quite high. This can have an impact on the effectiveness and cost of treatment. Enhancing communication and drug information is necessary to ensure effective treatment, safe medication usage, and cost savings for patients.

Keywords: Proton pump inhibitors, outpatients, Can Tho University of Medicine and Pharmacy.

I. ĐẶT VẤN ĐỀ

Trong xã hội hiện đại, các bệnh liên quan đến tăng tiết acid chiếm một tỷ lệ khá lớn trong các bệnh về đường tiêu hóa [1]. Một trong những nhóm thuốc được sử dụng phổ biến nhất là thuốc ức chế bơm proton (proton pump inhibitor -PPI), được kê đơn rộng rãi trên toàn thế giới, đã được chứng minh ở Canada vào năm 2016, PPI là loại thuốc được kê đơn nhiều thứ 2 với tỷ lệ sử dụng là 30,7%[2]. Hoa Kỳ đã được kê đơn PPI với tổng số khoảng 92 triệu đơn thuốc PPI được kê vào năm 2019 [3]. Tuy nhiên, nhiều nghiên cứu hiện nay đã chỉ ra rằng việc sử dụng PPI là không phù hợp và an toàn, dẫn đến nhiều tác dụng phụ cho người bệnh như: u đường tiêu hóa, sa sút trí tuệ, gãy xương, bệnh thận mãn tính, nhiễm khuẩn đường ruột, nhiễm khuẩn *Clostridioides difficile*, thiếu vitamin B12, kéo dài thời gian của khoảng QT... [4].

Tại Bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ, việc kê đơn nhóm PPI rất phổ biến, nhưng số lượng các nghiên cứu khảo sát tình hình sử dụng thuốc PPI tại bệnh viện còn hạn chế. Do đó, việc xác định thực trạng và đánh giá tính phù hợp, an toàn trong sử dụng thuốc ức chế bơm proton tại bệnh viện Trường Đại Học Y Dược Cần Thơ là cần thiết. Vì những lý do trên, đề tài “Nghiên cứu tính phù hợp và an toàn trong sử dụng thuốc ức chế bơm proton ở bệnh nhân ngoại trú điều trị dịch vụ tại Khoa Khám bệnh, Bệnh viện trường Đại Học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023”, được tiến hành thực hiện với mục tiêu sau: Mô tả đặc điểm và đánh giá sự an toàn, phù hợp sử dụng các thuốc nhóm PPI ở bệnh nhân ngoại trú dịch vụ tại Khoa Khám bệnh, Bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023.

II. ĐỐI TƯỢNG VÀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU

2.1. Đối tượng nghiên cứu

Đơn thuốc ngoại trú của bệnh nhân đến khám và điều trị dịch vụ tại khoa khám bệnh, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được kê đơn thuốc PPI trong khoảng thời gian từ 2022-2023.

- **Tiêu chuẩn chọn mẫu:** Đơn thuốc ngoại trú của bệnh nhân đến khám và điều trị dịch vụ tại khoa khám bệnh, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ được kê đơn thuốc PPI từ tháng 09/2022 đến tháng 04/2023.

- **Tiêu chuẩn loại trừ:** Đơn thuốc ngoại trú của bệnh nhân dịch vụ là phụ nữ có thai và cho con bú, không đủ thông tin hành chính (họ tên, tuổi, giới tính), có chẩn đoán ung thư dạ dày, HIV/AIDS.

- **Địa điểm và thời gian nghiên cứu:** Khoa khám bệnh, Bệnh viện Trường Đại học Y Dược Cần Thơ trong khoảng thời gian từ tháng 09/2022 đến tháng 04/2023.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

- **Thiết kế nghiên cứu:** Nghiên cứu mô tả cắt ngang.

- **Cỡ mẫu:** Công thức tính cỡ mẫu:

$$n = \frac{Z_{1-\alpha/2}^2 \times p(1-p)}{d^2}$$

Trong đó:

n: là cỡ mẫu, α : xác suất sai sót loại 1, chọn $\alpha = 0,05$, $Z_{1-\alpha/2}$: trị số của phân phối chuẩn (ở mức tin cậy là 95% = 1,96), d: sai số cho phép là 4% (d = 0,04), p: tỷ lệ sử dụng thuốc PPI phù hợp. Theo nghiên cứu của Nguyễn Hoàng và cộng sự (2020) [5] nghiên cứu công bố rằng tỷ lệ sử dụng thuốc PPI phù hợp, an toàn là 73,47%, nên chọn p = 0,73. Để tránh mất mẫu nên cộng thêm 10%, tức tổng số mẫu cần lấy là: 520 đơn thuốc.

- Phương pháp chọn mẫu: Chọn mẫu ngẫu nhiên hệ thống

- **Thu thập số liệu, công cụ thu thập số liệu:** Bộ công cụ thu thập dữ liệu.

- **Nội dung nghiên cứu:**

+ Đặc điểm bệnh nhân: tuổi, giới tính, đặc điểm kê đơn (hoạt chất PPIs được kê toa).

+ Khảo sát tần số tương tác thuốc trên 02 công cụ Drugs.com và Medscape.com.

+ Đánh giá tính an toàn của việc sử dụng thuốc, gồm 02 giá trị:

An toàn được xác định là khi thỏa mãn cả 03 điều kiện: không dùng trên đối tượng có chống chỉ định, không xuất hiện nguy cơ tương tác bất lợi với các thuốc điều trị khác (tương tác bất lợi được xác định nếu tương tác là nghiêm trọng hoặc trung bình khi tra cứu trên Drugs.com và/hoặc chống chỉ định, nghiêm trọng, theo dõi chặt chẽ khi tra cứu trên Medscape.com), và không dùng chung từ 02 thuốc trở lên cùng nhóm PPIs.

Không an toàn: khi không đáp ứng tối thiểu 01 trong 03 điều kiện trên.

+ Tính phù hợp của việc sử dụng thuốc, gồm 02 giá trị:

Phù hợp được xác định khi thỏa mãn cả 04 điều kiện: đúng chỉ định, đúng liều, đúng thời điểm dùng thuốc và đúng thời gian theo khuyến cáo điều trị của nhà sản xuất, phác đồ tại bệnh viện và phác đồ Bộ Y Tế (2015).

Không phù hợp: khi không đáp ứng tối thiểu 01 trong 04 điều kiện trên.

+ Việc xác định tính phù hợp và an toàn khi đơn thuốc thỏa mãn đồng thời cả 02 điều kiện: đơn thuốc được kê vừa phù hợp, vừa an toàn, ngược lại nếu có 01 điều kiện không thỏa sẽ được xác định là đơn thuốc không phù hợp và an toàn.

- **Xử lý số liệu:** Các số liệu nghiên cứu thu thập được sẽ được nhập và xử lý kết quả bằng phần mềm Excel 2021 và sử dụng thống kê mô tả của phần mềm IBM SPSS 22.0

III. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

3.1. Đặc điểm chung

Bệnh nhân tham gia nghiên cứu có độ tuổi từ 07 đến 98 tuổi, trung bình là 50,92 tuổi.

Bảng 1. Đặc điểm bệnh nhân có đơn thuốc tham gia nghiên cứu (n = 520)

Đặc điểm mẫu nghiên cứu	Phân nhóm	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Tuổi	< 18 tuổi	20	3,85
	Từ 18-59 tuổi	332	63,85
	≥ 60 tuổi	168	32,3
Giới tính	Nam	212	40,77
	Nữ	308	59,23
Thời gian điều trị thuốc PPI	≤ 7 ngày	107	20,58
	8 -13 ngày	04	0,77
	≥ 14 ngày	409	78,65

Nhận xét: Nhóm tuổi từ 18 đến 59 tuổi chiếm 63,85%, nhóm tuổi 60 tuổi trở lên chiếm 32,3% và thấp nhất là nhóm <18 tuổi với 3,85%. Tỷ lệ nữ cao hơn so với nam, lần lượt là 59,23% và 40,77%. Thời gian điều trị thuốc PPI: Có 20,58% đơn thuốc được điều trị trong thời gian ≤ 7 ngày, 0,77% điều trị 8-13 ngày và 78,65% trong thời gian ≥ 14 ngày.

Bảng 2. Tỷ lệ các loại thuốc PPIs chỉ định tại các phòng khám ngoại trú dịch vụ

Loại PPIs	Esomeprazole	Pantoprazole	Rabeprazole	Omeprazole	Lansoprazole
Tần số (n)	244	116	91	67	02
Tỷ lệ (%)	46,92	22,31	17,5	12,88	0,39

Nhận xét: Esomeprazole chiếm tỷ lệ cao nhất 46,92%. Pantoprazole và Rabeprazole tỷ lệ sử dụng khá cao, lần lượt là 22,31% và 17,5%. Lansoprazole có tần số và tỷ lệ thấp nhất trong các loại PPIs, chỉ đạt 0,39%.

3.2. Đánh giá sự phù hợp và an toàn của việc sử dụng nhóm thuốc ức chế bơm proton ở bệnh nhân ngoại trú điều trị dịch vụ tại Khoa Khám bệnh, Bệnh viện trường Đại học Y Dược Cần Thơ năm 2022-2023

Bảng 3. Tỷ lệ tương tác thuốc

	Chống chỉ định		Nghiêm trọng		Theo dõi chặt chẽ		Trung bình		Tổng (n = 520)			
	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Có		Không	
									Tần số (n)	Tỷ lệ (%)	Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Medscape.com	0	0	55	10,58	28	5,38	0	0	83	15,96	437	84,04
Drugs.com	0	0	0	0	0	0	27	5,19	82	15,77	438	84,23

Nhận xét: Tỷ lệ tương tác thuốc là 15,96% và 15,77% theo Medscape.com và Drugs.com. Tỷ lệ không tương tác thuốc là 84,04% theo Medscape.com và 84,23% theo Drugs.com. 10,58% đơn thuốc có tương tác nghiêm trọng theo cả hai nguồn thông tin. Có 5,38% đơn thuốc tương tác theo dõi chặt chẽ theo Medscape.com và 5,19% có tương tác trung bình theo Drugs.com.

Bảng 4. Tỷ lệ sử dụng thuốc PPIs an toàn

Dùng thuốc an toàn		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Dùng trên đối tượng có chống chỉ định	Có	0	0
	Không	0	0
Nguy cơ tương tác thuốc bất lợi	Có	83	15,96
	Không	437	84,04
Dùng chung từ 2 thuốc trở	Có	0	0

TẠP CHÍ Y DƯỢC HỌC CẦN THƠ – SỐ 62/2023

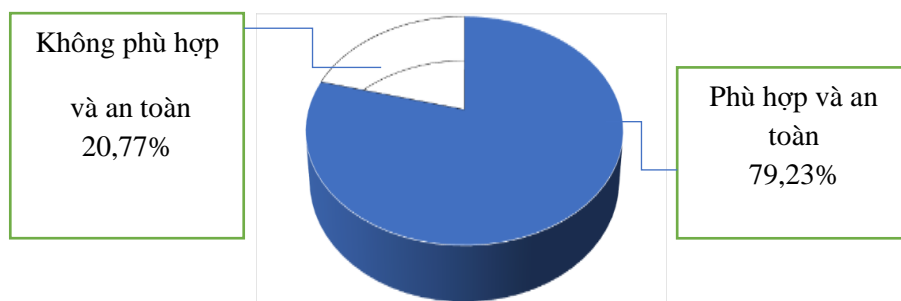
Dùng thuốc an toàn		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
lên cùng nhóm PPIs	Không	0	0
An toàn chung	Có	437	84,04
	Không	83	15,96

Nhận xét: Tỷ lệ đơn thuốc sử dụng thuốc PPI an toàn là 84,04%, tỷ lệ đơn thuốc không an toàn là 15,96%. Không có đơn thuốc nào sử dụng hai loại PPIs trở lên.

Bảng 5. Tỷ lệ sử dụng thuốc PPIs phù hợp

Dùng thuốc phù hợp		Tần số (n)	Tỷ lệ (%)
Chỉ định	Có	500	96,15
	Không	20	3,85
Liều dùng	Có	474	91,15
	Không	46	8,85
Thời điểm dùng thuốc	Có	520	100
	Không	0	0
Thời gian dùng thuốc	Có	475	91,35
	Không	45	8,35
Phù hợp chung	Có	475	91,35
	Không	45	8,35

Nhận xét: Tỷ lệ đơn thuốc được chỉ định phù hợp là 96,15%, và 3,85% không phù hợp. Liều dùng, có 91,15% phù hợp, và 8,85% không phù hợp. Thời gian sử dụng PPIs phù hợp là 91,35%, và 8,35% không phù hợp. 100% đơn thuốc có thời điểm dùng thuốc phù hợp. Tổng thể, tỷ lệ sử dụng PPIs phù hợp là 91,35%, với 8,35% không phù hợp.



Biểu đồ 1. Tỷ lệ sử dụng thuốc PPIs phù hợp và an toàn

Nhận xét: Biểu đồ 1 thể hiện tỷ lệ sử dụng thuốc PPI phù hợp và an toàn là 79,23%, không phù hợp và an toàn chiếm 20,77%.

IV. BÀN LUẬN

Bệnh nhân độ tuổi lao động từ 18-59 tuổi chiếm cao nhất 63,58%, thấp nhất là nhóm <18 tuổi 3,85% tương đồng với Nguyễn Hồng Ngọc và cộng sự (2021) là 62,16% và 0,53% lần lượt cho 02 nhóm tuổi trên [6]. Tỷ lệ chỉ định thuốc PPI cho bệnh nhân nữ 59,23% nhiều hơn nam 40,77%. Kết quả này tương đồng với tác giả Trần Thị Kim Thuần và cộng sự (2021) nữ là 63%, nam là 37% [7]. 20,58% đơn thuốc được điều trị PPI trong thời gian ≤ 7 ngày, chỉ có 0,77% với thời gian 8-13 ngày và 78,65% trong thời gian ≥ 14 ngày. Kết quả này ngược lại hoàn toàn với kết quả của Bùi Đăng Minh Trí và cộng sự (2021) 75,81% bệnh

nhân được điều trị trong khoảng 8-13 ngày, có 6,77% điều trị ≤ 7 ngày và 17,42% số ngày ≥ 14 ngày [8]. Dược chỉ định nhiều nhất là Esomeprazole, chiếm 46,92%. Tuy nhiên, tỷ lệ này không tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Hồng Ngọc và cộng sự (2021) chỉ định Esomeprazole chiếm 17,08% [6]. Cao thứ hai là Pantoprazole, chiếm 22,31% tương đồng với nghiên cứu của Nguyễn Hồng Ngọc và cộng sự (2021) là 21,98% [6]. Nhóm thuốc PPI được sử dụng nhiều thứ ba là Rabeprazole, chiếm 17,5%. Nghiên cứu của Huỳnh Tố Quyên và cộng sự (2022) tỷ lệ kê đơn Rabeprazole là 10,2% [9], trong khi Lu Liu và cộng sự (2022) công bố tỷ lệ là 31% [10]. Tuy nhiên, các nghiên cứu khác có kết quả khác nhau. Mặt khác, sự khác nhau giữa các nghiên cứu có thể do giá thành khác nhau của các loại thuốc PPIs, với Omeprazole thường có giá rẻ hơn. Các yếu tố khác như mô hình bệnh tật và các bệnh kèm theo cũng có thể góp phần làm cho các nghiên cứu có kết quả khác nhau trong việc lựa chọn thuốc PPIs cho từng bệnh nhân.

Tỷ lệ tương tác thuốc là 15,96%, không có tương tác thuốc chiếm 84,04% tương đồng với Huỳnh Tố Quyên và cộng sự (2022) tỷ lệ tương tác 17,9% [9], khác hoàn toàn với Bùi Đăng Minh Trí và cộng sự (2021) tỷ lệ tương tác là 52,14% [8]. Nghiên cứu của Phạm Huỳnh Thanh Trâm và cộng sự (2020) tỷ lệ tương tác là 6,5% [11]. Trong mẫu nghiên cứu của chúng tôi, tương tác thuốc xảy ra chủ yếu ở bệnh nhân sử dụng nhiều thuốc cùng lúc điều trị nhiều bệnh kèm và gây tương tác. Tỷ lệ sử dụng thuốc PPI phù hợp là 91,35% và không phù hợp rất nhỏ là 8,35%. Trong nghiên cứu của Trần Thị Kim Thuần và cộng sự (2021), tỷ lệ không phù hợp là 19,9% [7], và trong nghiên cứu của Bùi Đăng Minh Trí và cộng sự (2021), tỷ lệ kê đơn không phù hợp là 9,76% [8]. Tuy nhiên, nghiên cứu của Giannini và cộng sự (2020) tỷ lệ kê đơn không phù hợp là 38,6% [12]. Tỷ lệ kê đơn thuốc ức chế bơm proton phù hợp cao tại Bệnh Viện Đại Học Y Dược Cần Thơ là kết quả của công tác tuyên truyền và tập huấn cán bộ viên chức về Dược Lâm Sàng, nhằm nâng cao hiểu biết của đội ngũ y Bác Sĩ, Dược Sĩ, Điều Dưỡng về thuốc để sử dụng thuốc phù hợp hơn. Sự chênh lệch lớn với các nghiên cứu khác có thể do sự khác biệt về quốc gia, dân tộc, cách thực hành lâm sàng và sự phát triển của công tác Dược Lâm Sàng và thông tin thuốc tại những nơi tiến hành nghiên cứu là khác nhau. Tỷ lệ sử dụng thuốc PPI an toàn chiếm tỷ lệ rất cao 84,81%, không an toàn chiếm tỷ lệ không quá cao 15,19%. Kết quả này tương đồng với nghiên cứu của tác giả Trần Thị Kim Thuần và cộng sự (2021) ghi nhận được tỷ lệ sử dụng thuốc PPI không an toàn chiếm 10,7%, tỷ lệ an toàn là 89,3% [7], theo nghiên cứu của Bùi Đăng Minh Trí và cộng sự (2021), tỷ lệ kê đơn thuốc PPI chưa an toàn chiếm 12,13% [8]. Mặc dù tỷ lệ kê đơn thuốc ức chế bơm proton không phù hợp là thấp, nhưng cũng tiềm ẩn rất nhiều nguy cơ gây ra các biến cố bất lợi trong việc sử dụng thuốc điều trị bệnh. Tỷ lệ này có liên hệ mật thiết với tỷ lệ các tương tác thuốc có ý nghĩa lâm sàng. Vì thế, cần nâng cao các hoạt động thông tin thuốc, cũng như công tác truyền thông đến các nhà lâm sàng để đưa tỷ lệ này giảm xuống đến mức thấp nhất. Phần lớn trường hợp sử dụng PPIs trên bệnh nhân ngoại trú đủ điều kiện an toàn và phù hợp, tuy vậy vẫn còn tỷ lệ sử dụng PPIs. Kết quả nhóm nghiên cứu ghi nhận được từ 520 mẫu đơn thuốc ngoại trú dịch vụ tỷ lệ sử dụng thuốc PPI phù hợp và an toàn là 79,23%, không phù hợp và an toàn chiếm 20,77% tương đồng với nghiên cứu của Çelik, Feyza MD và cộng sự (2021), tỷ lệ không phù hợp và an toàn là 35,9% [13]. Bên cạnh đó, nghiên cứu Nguyễn Thị Thuý và cộng sự (2019) tỷ lệ sử dụng thuốc PPI hợp lý, an toàn là 92,0%, không phù hợp là 8% [14], trong nghiên cứu Liu Y và cộng sự 2020, tỷ lệ kê đơn không phù hợp và an toàn PPI lên đến 50% [15]. Từ kết quả của nhóm nghiên cứu cho thấy tỷ lệ sử dụng thuốc ức chế bơm proton chưa phù hợp và an toàn vẫn còn khá cao, cần được quan tâm nhiều hơn để giảm thiểu tỷ lệ này.

V. KẾT LUẬN

Từ kết quả nghiên cứu khảo sát 520 đơn thuốc PPI cho thấy tỷ lệ đơn thuốc sử dụng PPIs không phù hợp và an toàn còn khá cao, từ đó có thể ảnh hưởng đến sự hợp lý hiệu quả chi phí - điều trị. Do đó, công tác truyền thông và thông tin thuốc liên tục, thường xuyên đóng một vai trò rất quan trọng trong việc cải thiện tỷ lệ này, nhằm đảm bảo tối ưu hóa hiệu quả điều trị, sử dụng thuốc an toàn và tiết kiệm cho bệnh nhân.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Patel, D., Bertz, R., Ren, S. et al. A Systematic Review of Gastric Acid-Reducing Agent-Mediated Drug-Drug Interactions with Orally Administered Medications, *Clin Pharmacokinet.* 2020. 59, 447–462. <https://doi.org/10.1007/s40262-019-00844-3>.
2. Ottawa. Canadian Institute for Health Information. Drug Use Among Seniors in Canada. 2016. <https://www.cihi.ca/en/drug-use-among-seniors-in-canada>.
3. Wedemeyer, RS., Blume, H. Pharmacokinetic Drug Interaction Profiles of Proton Pump Inhibitors: An Update. *Drug Saf.* 2014. 37. 201–211. <https://doi.org/10.1007/s40264-014-0144-0>.
4. Susanna M. Wallerstedt et al. Long-term use of proton pump inhibitors and prevalence of disease- and drug-related reasons for gastroprotection - a cross-sectional population-based study. *Pharmacoepidemiol Drug Saf.* 2017. 26(1), pp.9-16. <https://doi.org/10.1002/pds.4135>.
5. Nguyễn Hoàng, Tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton trong kê đơn thuốc bảo hiểm y tế ngoại trú tại bệnh viện đa khoa tỉnh Sóc Trăng năm 2020, Trường đại học Y Dược Cần Thơ. 2021. 38.
6. Hoàng Đức Thái, Nguyễn Hồng Ngọc. Đánh giá tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton tại Bệnh viện Quân y 120 tỉnh Tiền Giang tháng 7/2020. Trường Đại học Tây Đô. 2020. 51-65.
7. Trần Thị Kim Thuần, Nguyễn Thị Linh Tuyền, Trần Thị Tuyết Phụng. Nghiên cứu tình hình kê đơn thuốc ức chế bơm proton trong điều trị ngoại trú tại trung tâm y tế huyện chợ gạo năm 2020. *Tạp chí Y Dược học.* 2021. 41, 22-23. <https://tapchi.ctump.edu.vn/index.php/ctump/article/view/749>.
8. Bùi Đăng Minh Trí, Bùi Đăng Phương Chi, Nguyễn Hồng Ngọc. Tính hợp lý trong sử dụng thuốc ức chế bơm proton (PPI). *Tạp Chí Y học Cộng đồng.* 2021. 62(3), 59-62. [https://doi.org/10.52163/yhc.v62i3%20\(2021\).65](https://doi.org/10.52163/yhc.v62i3%20(2021).65)
9. Huỳnh Tô Quyên. Khảo sát tình hình sử dụng và đánh giá hiệu quả của thuốc ức chế bơm proton trong bệnh lý loét dạ dày tá tràng tại Trung tâm y tế huyện Cù Lao Dung tỉnh Sóc Trăng năm 2021. Trường Đại học Tây Đô. 2022. 35-48.
10. Liu, L., Yu, Y., Fan, Q. et al. Impact of proton pump inhibitor management committee's multifaceted interventions on acid suppressant prescribing patterns in outpatient and emergency departments. *BMC Health Serv Res.* 2022. 22, 417.
11. Phạm Huỳnh Thanh Trâm. Nghiên cứu tình hình sử dụng thuốc ức chế bơm proton cho bệnh nhân nội trú tại khoa Nội Bệnh viện Đa khoa tỉnh Sóc Trăng năm 2019-2020. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2020. 33-43.
12. Giannini EG, Crespi M, Djahandideh A, Demarzo MG, Moscatelli A, Bodini G, Furnari M, Marabotto E, Plaz Torres MC, Zentilin P, Savarino V. Appropriateness of proton pump inhibitors treatment in clinical practice: Prospective evaluation in outpatients and perspective assessment of drug optimisation. *Dig Liver Dis.* 2020 Aug. 52(8). 862-868. <https://doi.org/10.1016/j.dld.2020.05.005>.
13. Çelik F, Aypak C, Özdemir A, Görpelioglu S. Inappropriate Prescribing of Proton Pump Inhibitors in Outpatient Clinics. *Gastroenterol Nurs.* 2021 Mar-Apr 01. 44(2). 84-91. <https://doi.org/10.1097/sga.0000000000000500>.
14. Nguyễn Thị Thuý. Nghiên cứu tình hình và đánh giá kết quả sử dụng hợp lý, an toàn thuốc ức chế bơm proton trên người bệnh nội trú tại Trung tâm Y tế Thị xã Long Mỹ năm 2018-2019. Trường Đại học Y Dược Cần Thơ. 2019. 32-45.

15. Liu Y, Zhu X, Li R, Zhang J, Zhang F. Proton pump inhibitor utilisation and potentially inappropriate prescribing analysis: insights from a single-centred retrospective study. *BMJ Open*. 2020 Nov 26.10(11):e040473. <https://doi.org/10.1136/bmjopen-2020-040473>
-